

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 12 /2020/HNGĐ- ST

Ngày: 10/7/2020.

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Ông Lương Ngọc Biên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên (vắng mặt có lý do chính đáng).

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 59/2020/TLST- HNGĐ ngày 27/3/2020 về “ *Tranh chấp HN&GD*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1988 (có mặt)

Cư trú tại: Tiểu khu 6 (nay là tổ dân phố 6), thị trấn Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1987 (đề nghị xét xử vắng mặt)

Cư trú tại: Tiểu khu 6 (nay là tổ dân phố 6), thị trấn Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24/02/2020, được bổ sung bằng bản tự khai và lời khai sau này nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh T kết hôn ngày 13 tháng 3 năm 2008, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N(nay là thị trấn Nh), huyện Y. Sau khi kết hôn, vợ chồng về ăn ở chung sống với nhau hòa thuận. Tháng 9 năm 2016 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình , bỏ mặc cho chị chăm lo cho các

con. Ngoài ra, anh T hay chơi cờ, bạc dẫn đến nợ nần nhiều lần có người đến đòi nợ. Chị nhiều lần khuyên bảo, anh T không thay đổi. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 3 năm 2019 đến nay. Hiện anh T đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hải A, sinh ngày 06/8/2012, Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 20/8/2016 và Nguyễn Bùi Tuấn K, sinh ngày 11/9/2018, hiện đang ở với chị. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi 03 con chung. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng nông nghiệp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Xuân T là bị đơn trình bày: Anh đồng ý với lời trình bày của chị H về thủ tục kết hôn. Anh trình bày thêm năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chời bời, không chịu làm ăn, không chăm lo cho vợ, con. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngày 27/4/2020, anh bị Công an huyện L bắt tạm giam cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Con chung: Anh đồng ý với trình bày của chị H. Anh đồng ý để chị H nuôi 03 con chung. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, tài sản riêng, số nợ, công sức đóng góp và ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án triệu tập anh về tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh không tham gia được. Anh đề nghị Tòa án cho phép anh vắng mặt các thủ tục tại Tòa án và anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng vắng mặt tại phiên tòa có lý do chính đáng. Anh Nguyễn Xuân T là bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa, anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 232, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về nội dung:* Chị H và anh T kết hôn ngày 13 tháng 3 năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân thị trấn N (nay là thị trấn Nh), huyện Y là phù hợp với các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng

sống hạnh phúc, năm 2016 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T chơi bời, nợ nhiều, không chăm lo đến vợ con. Nhiều lần chị H khuyên bảo nhưng anh T không sửa chữa. Anh T phạm tội bị bắt tạm giam từ ngày 27 tháng 4 năm 2020 đến nay.

Kết quả xác minh tại địa phương cung cấp nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh T chơi bời, không chịu làm ăn dẫn đến nợ nhiều. Sự việc như vậy gia đình khuyên bảo nhưng anh T không sửa chữa. Hiện anh T bị bắt tạm giam về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hải A, sinh ngày 06/8/2012, Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 20/8/2016 và Nguyễn Bùi Tuấn K, sinh ngày 11/9/2018, hiện đang ở với chị H. Xét thấy, hiện anh T đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T đồng ý. Nguyên vọng của con chung Nguyễn Thị Hải A ở với mẹ. Áp dụng Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

Tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị Hồng phải chịu 300.000đ án phí DSST.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; các Điều 232, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T .

2. *Về con chung*: Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Hải A, sinh ngày 06/8/2012, Nguyễn Xuân Th, sinh ngày 20/8/2016 và Nguyễn Bùi Tuấn K, sinh ngày 11/9/2018. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T có quyền thăm nom con chung

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2018/0004201 ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị H đã nộp đủ.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y(02b);
- CCTHADS huyện Y;
- Dương sự;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp TT Nh.

Bùi Thị Hương